

Phụ lục I
TÀI LIỆU MINH HOẠ BÁN HÀNG
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài
chính hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết chung)*

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm:

- | | |
|-----------------------|-------------------|
| - Tên doanh nghiệp | - Số giấy phép |
| - Lĩnh vực kinh doanh | - Vốn điều lệ |
| - Trụ sở chính | - Địa chỉ liên hệ |
- (địa chỉ, số điện thoại, số fax...)

2. Thông tin về bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm

- | | |
|--------------------|---------------|
| - Họ và tên | - Tuổi |
| - Giới tính | - Nghề nghiệp |
| - Số CMND/Hộ chiếu | |

3. Thông tin về đại lý bảo hiểm

- | | |
|-----------------------|----------------|
| - Họ và tên | - Mã số đại lý |
| - Văn phòng hoạt động | |

4. Thông tin về sản phẩm bảo hiểm, sản phẩm bổ trợ (nếu có)

- | | |
|-----------------------------|---------------------|
| - Tên sản phẩm | - Thời hạn bảo hiểm |
| - Quyền lợi bảo hiểm rủi ro | - Phí bảo hiểm |

II. THÔNG TIN CHI TIẾT

1. Các quyền lợi bảo hiểm

Các quyền lợi cơ bản được giải thích cho bên mua bảo hiểm tối thiểu phải tách bạch được giữa quyền lợi được bảo đảm và quyền lợi không được bảo đảm, cụ thể như sau:

1.1. Quyền lợi bảo hiểm rủi ro: QUYỀN LỢI ĐƯỢC BẢO ĐẢM

- Quyền lợi bảo hiểm tử vong: là số tiền doanh nghiệp bảo hiểm trả cho người thụ hưởng trong trường hợp tử vong của người được bảo hiểm
- Các quyền lợi bảo hiểm rủi ro khác (nếu có)
- Quyền lợi của các sản phẩm bảo hiểm bổ trợ (nếu có)

1.2. Quyền lợi đầu tư :

a) QUYỀN LỢI ĐƯỢC BẢO ĐẢM

- Quyền lợi theo tỷ suất đầu tư tối thiểu cam kết với bên mua bảo hiểm

b) QUYỀN LỢI KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM

1.3. Các quyền lợi khác (nếu có)

2. Cơ chế phân bổ phí bảo hiểm:

- Doanh nghiệp bảo hiểm phải minh họa rõ tỷ lệ phí bảo hiểm được phân bổ cho quyền lợi bảo hiểm rủi ro và quyền lợi từ quỹ liên kết chung .

- Doanh nghiệp bảo hiểm phải minh họa rõ các khoản phí được quy định tại Điều 6 Thông tư này và các hạn mức tối đa sẽ áp dụng, ví dụ như:

- + Phí ban đầu
- + Phí bảo hiểm rủi ro
- + Phí quản lý hợp đồng bảo hiểm
- + Phí quản lý quỹ
- + Phí hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm
- + Phí khác (nếu có)

3. Tỷ suất đầu tư dự kiến

3.1. Doanh nghiệp bảo hiểm được sử dụng tỷ suất đầu tư thanh toán cho bên mua bảo hiểm tối đa bằng tỷ suất đầu tư thực tế bình quân của doanh nghiệp 5 năm tài chính gần nhất (không vượt quá 8%) để thể hiện phạm vi dao động thu nhập của quỹ liên kết chung.

3.2. Doanh nghiệp bảo hiểm phải khẳng định rõ:

- Tỷ suất đầu tư **có thể tăng hoặc giảm**

- Trong mọi trường hợp, doanh nghiệp bảo hiểm tỷ suất đầu tư tối thiểu đã cam kết tại hợp đồng bảo hiểm.

III. MINH HỌA THỰC TẾ VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Năm hợp đồng	Tổng phí bảo hiểm đóng	Các khoản phí liên quan	Phí bảo hiểm rủi ro		Phí phân bố vào quỹ liên kết chung	Quyền lợi bảo đảm			QUYỀN LỢI KHÔNG BẢO ĐẢM
			Phí cho quyền lợi từ vong	Phí cho các sản phẩm bổ trợ		Quyền lợi từ vong	Quyền lợi bổ trợ	Quyền lợi quỹ liên kết chung (tỷ suất đầu tư cam kết)	
1									
2									
3									
4									
5									
6									
7									
8									
9									
...									

Phụ lục II
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT CHUNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết chung)

Doanh nghiệp bảo hiểm

Năm báo cáo:

I. PHÍ BẢO HIỂM VÀ GIÁ TRỊ QUỸ LIÊN KẾT CHUNG TRONG NĂM

Tổng số phí bảo hiểm nộp trong năm:

Số phí bảo hiểm phân bổ cho quyền lợi bảo hiểm rủi ro:

Các khoản chi phí liên quan:

Tổng số phí bảo hiểm đầu tư vào quỹ liên kết chung:

Giá trị quỹ liên kết chung đầu năm:

Giá trị quỹ liên kết chung cuối năm:

Tỷ suất đầu tư của quỹ liên kết chung:

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI SẢN CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

Tài sản	Giá trị đầu năm	Thay đổi trong năm	Giá trị cuối năm
- Tiền			
- Danh mục các khoản đầu tư (liệt kê chi tiết)			
- Các tài sản khác			
Tổng tài sản			

III. BÁO CÁO THU NHẬP VÀ CHI PHÍ CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

Nội dung	Năm trước	Năm nay	Ghi chú
Thu nhập: chi tiết thu nhập từ hoạt động đầu tư theo danh mục phù hợp với quy định			
Tổng thu nhập			
Chi phí: Chi tiết chi phí theo danh mục phù hợp với quy định			
Tổng chi phí			
Chênh lệch giữa thu nhập và chi phí			
Thu nhập trả cho bên mua bảo hiểm			
Tỷ suất đầu tư thực tế			
Tỷ suất đầu tư thanh toán cho bên mua bảo hiểm			

Phụ lục III
BẢNG TỶ LỆ HOA HỒNG BẢO HIỂM TỐI ĐA ÁP DỤNG CHO SẢN PHẨM
BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết chung)

Đơn vị tính : %

Thời hạn hợp đồng	Tỷ lệ hoa hồng tối đa tính trên phí bảo hiểm			
	Phương thức nộp phí bảo hiểm định kỳ			Phương thức nộp phí 1 lần và phí đóng thêm
	Năm hợp đồng thứ nhất	Năm hợp đồng thứ hai	Các năm hợp đồng tiếp theo	
Từ 10 năm trở xuống	25	7	5	5
Trên 10 năm	40	10	10	7